TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **---------- **
Số: 01/2022/QĐST-DS	*Kim Thành, ngày 04 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v "Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết"

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Chu Văn Nghĩa.

Thư ký phiên họp: Ông Đinh Quốc Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 39/2021/TLST-VDS ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc *"Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2022/QĐST-VDS ngày 20 tháng 4 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm 1, Thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

* *Người có quyền lợi liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963. Nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Xóm 1, Thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Ông Trần Văn D, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Người yêu cầu và người có quyền lợi liên quan đều đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu, anh Nguyễn Văn D trình bày: Mẹ đẻ anh (bà Nguyễn Thị T) bỏ nhà ra đi từ năm 1990, từ đó cho tới nay bản thân anh cũng như gia đình đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm nhưng không có bất cứ thông tin gì của Bà T. Đến nay, Bà T đã biệt tích hơn 30 năm, nay do có một số công việc liên quan đến thủ tục dân sự, do vậy anh yêu cầu Tòa án tuyên bố mẹ đẻ anh (bà Nguyễn Thị T đã chết).

Tại phiên họp:

- Người yêu cầu là anh Nguyễn Văn D và người có quyền lợi liên quan là ông Trần Văn D có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên họp phát biểu về việc tuân theo pháp luật:* Từ khi Toà án thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng và tại phiên họp thì Thẩm phán, Thư ký đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn D yêu cầu Toà án tuyên bố mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị T đã chết là có căn cứ nên được chấp nhận. Anh Nguyễn Văn D phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T biệt tích từ năm 1990, từ đó cho đến nay gia đình không có thông tin gì về Bà T mặc dù đã áp dụng các biện pháp tìm kiếm; nơi cư trú cuối cùng trước khi Bà T biệt tích là xóm 1, thôn Quỳnh Khê, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nên quan hệ pháp luật là *"Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết"*; thẩm quyền giải quyết yêu cầu thuộc Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 4 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35 và điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn D về việc tuyên bố bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ) đã chết: Sau khi Toà án thụ lý đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh D đã tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ, tiến hành các thủ tục để giải quyết yêu cầu của đương sự theo đúng quy định của pháp luật và tiến hành ra Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết đối với bà Nguyễn Thị T đăng trên báo Nhân dân 03 số liên tiếp từ ngày 29/12/2021 đến ngày 21/12/2021; phát sóng trên Đài tiếng nói Việt Nam 03 số liên tiếp vào các ngày 23,24,25/12/2021 và đăng thông tin tìm kiếm trên Cổng thông tin điện tử Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định của pháp luật. Cục xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác định: Không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh trường hợp của bà Nguyễn Thị T. Tính đến thời điểm anh D yêu cầu Toà án giải quyết việc dân sự thì Bà T đã biệt tích hơn 30 năm. Từ khi các Cơ quan truyền thông đăng Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết cho đến kết thúc thời hạn thông báo tìm kiếm theo quy định của pháp luật thì Toà án nhân dân huyện Kim Thành không nhận được tin tức phản hồi nào về việc bà Nguyễn Thị T còn sống; những người có quyền lợi liên quan trong việc dân sự đều xác định bà Nguyễn Thị T bỏ đi từ năm 1990; từ đó

đến nay không có tin tức gì mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm. Từ những căn cứ và nhận định trên, có đủ căn cứ để xác định: Bà Nguyễn Thị T đã biệt tích 05 năm trở lên và không có tin tức xác thực là còn sống; do vậy, yêu cầu của anh Nguyễn Văn D về việc tuyên bố bà Nguyễn Thị T là đã chết phù hợp với các quy định tại khoản 1 Điều 68; Điều 71, 72 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 39, 361, 391 và Điều 393 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà Nguyễn Thị T có tin tức cuối cùng vào năm 1990; do không có tài liệu, chứng cứ xác định Bà T biệt tích vào ngày, tháng cụ thể, căn cứ theo quy định của pháp luật thì xác định ngày chết của Bà T là ngày đầu tiên của năm tiếp theo năm có tin tức cuối cùng, tức ngày 01/01/1991.

[4] Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản của người bị Toà án tuyên bố là đã chết: Quan hệ về hôn nhân gia đình, các quan hệ về nhân thân khác và về tài sản có liên quan đến bà Nguyễn Thị T được giải quyết như đối với người đã chết; tài sản của người đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

[5] Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 68; Điều 71, 72 của Bộ luật dân sự. Điều 27, 39, 361, 391 và Điều 393 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn D về việc: Tuyên bố bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Xóm 1, Thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương là đã chết.

2. Tuyên bố: Bà Nguyễn Thị T đã chết ngày 01/01/1991.

3. Khi quyết định của Tòa án tuyên bố một người là đã chết có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về hôn nhân, gia đình và các quan hệ nhân thân khác của người đó được giải quyết như đối với người đã chết. Quan hệ tài sản của người bị Tòa án tuyên bố là đã chết được giải quyết như đối với người đã chết; tài sản của người đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự; được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là 300.000đ, theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2020/0002562 ngày 02/11/2021. Anh Nguyễn Văn D đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp lệ phí.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

5.1 Người yêu cầu, người có quyền lợi liên quan đến việc giải quyết việc dân sự vắng mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày

tính từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

5.2 Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành.
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành.
- UBND xã K, huyện K;.
- Người yêu cầu; người có QLLQ.
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Chu Văn Nghĩa

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: "Số: 20/2018/QĐST-KDTM".

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày … tháng … năm ….."

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại……. là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại ……..là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày….. tháng…. năm….).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư

thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)"